

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: **Khoa học Trái đất**; Chuyên ngành: **Địa chất học**

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **Nguyễn Văn Hoàng**

2. Ngày tháng năm sinh: 10/01/1959; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): **Xã Hoàng Quang, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa (nay là phường Hoàng Quang, TP. Thanh Hóa)**

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố):
P104, nhà B8, ngõ 8A đường Hoàng Ngọc Phách, phường Láng Hạ, Q. Đống Đa, Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): **Viện Địa chất, 84 phố Chùa Láng, Đống Đa, Hà Nội**

Điện thoại di động: 0912150785; E-mail: N_V_Hoang_VDC@yahoo.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng 10, năm 1983 đến tháng 5, năm 1985: Ban Quản lý các công trình Dầu khí-Tổng cục Dầu khí, TP. Vũng Tàu.

Từ tháng 6, năm 1985 đến nay: Viện Địa chất thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

Chức vụ: Hiện nay: Phó Chủ tịch Hội đồng Khoa học Viện Địa chất; Chức vụ cao nhất đã qua: Giám đốc Trung tâm Môi trường

Cơ quan công tác hiện nay: Viện Địa chất thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

Địa chỉ cơ quan: 84 phố Chùa Láng, Đống Đa, Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: 02438343068

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Khoa Môi trường, Đại học Khoa học Tự nhiên-Đại học Quốc gia Hà Nội.

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 23 tháng 06 năm 1983; số văn bằng: 3B No. 854507; ngành: **Trái đất-Mỏ**, chuyên ngành: **Địa chất Công trình-Địa chất thủy văn**; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): **Trường Đại học Bách khoa Tashkent-Cộng hòa Uzbekistan-Liên Xô cũ**.

- Được cấp bằng ThS ngày 02 tháng 04 năm 1993; số văn bằng: (văn bằng không có số; mã số học viên là GTB919557); ngành: **Địa chất**; chuyên ngành: **Kỹ thuật Địa chất**; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): **Học viện Kỹ thuật Châu Á (AIT)**.

- Được cấp bằng TS ngày 24 tháng 09 năm 1996; số văn bằng: No.164; ngành: **Địa chất**; chuyên ngành: **Khoa học Sinh học và Môi trường**; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): **Trường Đại học Tổng hợp Saitama, Nhật Bản**.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày 19 tháng 10 năm 2005, ngành: **Khoa học Trái đất**.

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh **Giáo Sư** tại HĐGS cơ sở: **Học viện Khoa học và Công nghệ (Hội đồng IV: Ngành Khoa học Trái đất-Mỏ)**.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh **Giáo Sư** tại HĐGS ngành, liên ngành: **Khoa học Trái đất-Mỏ**

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Nghiên cứu tài nguyên nước về lượng và chất: nghiên cứu đánh giá tài nguyên nước (mặt và nước dưới đất), nghiên cứu đề xuất khai thác hợp lý tài nguyên nước...

- Nghiên cứu môi trường tài nguyên nước: Đánh giá lan truyền các chất ô nhiễm và nhiễm mặn của nước ngầm và nước dưới đất, mô hình tính toán khai thác tối ưu nước dưới đất và xâm nhập các chất ô nhiễm (kể cả nhiễm mặn) trong đất và nước...

- Phương pháp phân tử hữu hạn trong mô hình chuyển động nước dưới đất, lan truyền các chất ô nhiễm trong nước mặt và nước dưới đất, lan truyền ẩm trong đất không bão hòa theo các thông số của đường cong đặc trưng đất - nước.

- Phương pháp tối ưu (lập trình tuyến tính và lập trình động) tính toán tối ưu các bài toán kỹ thuật (như khai thác tối ưu nước dưới đất).

- Nghiên cứu tai biến địa chất: cơ chế trượt lở và đánh giá dự báo trượt lở, cơ chế xói-lở bờ sông biển và đánh giá dự báo; các phương pháp đánh giá xói ngầm theo các tiêu chí khác nhau, cơ chế sập sụt đất và phân tích đánh giá xói ngầm và sập sụt đất...

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 03 NCS (01 NCS là hướng dẫn chính và 02 NCS là hướng dẫn 2) bảo vệ thành công luận án TS:

+ Hướng dẫn chính NCS Nguyễn Thành Công tại cơ sở đào tạo là Viện Khoa học Thủy lợi liên tục từ tháng 12/1999 đến hết năm 2004. NCS Nguyễn Thành Công đã bảo thành công luận án tiến sĩ tại hội đồng cấp Nhà nước ngày 21/6/2004 và đã có quyết định công nhận và cấp bằng học vị tiến sĩ số 8039/QĐ-BGD&ĐT ĐH&SĐH ngày 14/12/2004.

+ Hướng dẫn phụ NCS Nguyễn Văn Lợi tại cơ sở đào tạo là Viện Khoa học Thủy lợi liên tục từ tháng 7/2014 đến hết năm 2017. NCS Nguyễn Văn Lợi đã bảo thành công luận án tiến sĩ tại hội đồng cấp Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam và đã nhận và cấp bằng học vị tiến sĩ số 088108 ngày 05/7/2018.

+ Hướng dẫn phụ NCS Hoàng Ngọc Hà tại cơ sở đào tạo là Đại học Xây dựng Hà Nội liên tục từ tháng 9/2015 đến hết năm 2021. NCS Hoàng Ngọc Hà đã bảo thành công luận án tiến sĩ tại hội đồng cấp Trường ngày 18/5/2011.

- Đã hướng dẫn (số lượng) HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);

- Chủ nhiệm các đề tài đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng **02** cấp nhà nước và **04** cấp Bộ:

1. Đề tài độc lập cấp Nhà nước có mã số ĐT.NCCB-ĐHƯD.2012-G/04 (đã nghiệm thu năm 2018): Nghiên cứu xây dựng phần mềm mô hình phần tử hữu hạn mô phỏng chuyên động và lan truyền các chất ô nhiễm và nhiễm mặn trong môi trường nước dưới đất-ứng dụng cho khu vực ven biển miền Trung là Quảng Bình.

2. Đề tài cấp Nhà nước có mã số KC.08.23/16-20 (đã nghiệm thu 2021): Nghiên cứu đánh giá các tai biến địa chất và môi trường nghiêm trọng trong khai thác, chế biến một số khoáng sản chính ở Việt Nam; đề xuất các giải pháp giảm thiểu thiệt hại và phòng chống tai biến.

3. Đề tài cấp Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam năm 2010-2011 (đã nghiệm thu 2012): Nghiên cứu, đánh giá tác động của biến đổi khí hậu tới tỉnh Thái Bình, đề xuất các giải pháp thích ứng, giảm thiểu thiệt hại.

4. Đề tài cấp Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam năm 2012-2013, mã số VAST.NĐP.10/12-13 (đã nghiệm thu 2014): Nghiên cứu các hiện tượng địa chất công trình động lực ảnh hưởng đến ổn định của đập ngăn mặn trên sông Hóa, sông Trà Lý tỉnh Thái Bình và hiện tượng xâm nhập mặn nhằm đề xuất chế độ hoạt động (đóng mở cống) phù hợp.

5. Đề tài cấp Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam năm 2015-2016 mã số VAST.NĐP.05/15-16 (đã nghiệm thu 2017): Nghiên cứu xây dựng mô hình bổ sung nhân tạo làm nhạt hóa nước ngầm nhằm cung cấp nước cho một công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn tỉnh Thái Bình.

6. Đề tài cấp tỉnh (Thái Bình) năm 2019-2020 mã số TB-CT/CN02/19-20 (đã nghiệm thu 2021): Nghiên cứu tiềm năng nguồn nước (khoáng) nóng thiên nhiên khu vực Duyên Hải - Hưng Hà tỉnh Thái Bình và đề xuất phương hướng khai thác và sử dụng hiệu quả, mã số: TB-CT/CN02/19-20.

- Tham gia các đề tài đã hoàn thành đề tài NCKH cấp Nhà nước: số lượng **06**:

1. Đề tài độc lập cấp Nhà nước (đã nghiệm thu năm 2001): Nghiên cứu đánh giá tổng hợp các loại hình tai biến địa chất trên lãnh thổ Việt Nam và các giải pháp phòng tránh (giai đoạn 1 - phần Bắc Trung Bộ, chủ nhiệm đề tài: TS. Trần Trọng Huệ).

2. Đề tài NCKH cấp Nhà nước (đã nghiệm thu năm 2002): Nghiên cứu các giải pháp giảm nhẹ thiên tai hạn hán ở các tỉnh duyên hải miền trung (từ Hà Tĩnh đến Bình Thuận) (chủ nhiệm đề tài: GS.TS. Đào Xuân Học); Chủ nhiệm đề mục: "*Đánh giá nguồn nước ngầm trong hạn chế ảnh hưởng của hạn hán*".

3. KC08-22 (đã nghiệm thu năm 2005): Nghiên cứu dự báo hạn hán vùng Nam Trung Bộ và Tây Nguyên và xây dựng các giải pháp phòng chống (chủ nhiệm đề tài: GS.TS. Nguyễn Quang Kim); Chủ nhiệm đề mục: "*Bổ sung nhân tạo và chống xâm nhập mặn nước dưới đất nhằm gia tăng tài nguyên nước phục vụ chống hạn*".

4. Đề tài cấp Nhà nước có mã số KC-08-01 (đã nghiệm thu năm 2006): Nghiên cứu xây dựng bản đồ phân vùng tai biến môi trường tự nhiên lãnh thổ Việt Nam - KC-08-01BS Nghiên cứu đánh giá trượt-lở, lũ quét-lũ bùn đá một số vùng nguy hiểm ở miền núi Bắc Bộ, kiến nghị các giải pháp phòng chống, giảm nhẹ thiệt hại.

5. Đề tài cấp độc lập cấp Nhà nước (đã nghiệm thu năm 2007): Nghiên cứu cơ sở khoa học và công nghệ bổ sung nhân tạo nước dưới đất nhằm phát triển bền vững tài nguyên nước tại Việt Nam (Chủ nhiệm đề tài: GS.TSKH. Nguyễn Kim Thoa).

6. Đề tài cấp Nhà nước có mã số KC08.33/06-10 (đã nghiệm thu 2011): Nghiên cứu đánh giá, dự báo chi tiết hiện tượng trượt-lở và xây dựng các giải pháp phòng chống cho thị trấn Cốc Pài huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang (TS. Trần Trọng Huệ).

- Đã công bố **89** bài báo khoa học, trong đó **07** bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín, **57** bài báo trong nước, và **25** bài báo có phản biện đăng toàn văn hội nghị Quốc tế và trong nước;

- Số lượng sách đã xuất bản **03** và **01 chương** trong sách quốc tế thuộc các nhà xuất bản có uy tín:

+ **01** sách giáo khoa năm 2016 (viết một mình), NXB Khoa học Tự nhiên và Công nghệ;

+ **01** sách giáo trình bằng tiếng Anh năm 2020, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội;

+ **01** sách chuyên khảo (là tác chủ biên trong tổng số 2 tác giả) năm 2019, NXB Khoa học Tự nhiên và Công nghệ;

+ **01** chương trong sách chuyên khảo bằng tiếng Anh năm 2022, NXB Intech.

15. Khen thưởng: **Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm 2018, 2020 và 2021.**

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): **Không.**

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Trong quá trình công tác luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao là một giảng viên thỉnh giảng và hướng dẫn HVCH và NCS. Bản thân tự đánh giá là hoàn thành tốt nhiệm vụ của giảng viên và đạt các tiêu chuẩn nhà giáo.

- Đủ tiêu chuẩn để được công nhận chức danh Giáo sư theo Quyết định số: 37/2018/QĐ-TTg ban hành ngày 31 tháng 8 năm 2018.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên từ năm 1999, tổng số 17 năm (sau khi được công nhận chức danh PGS).

- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
03 năm học cuối								
2	2019-2020		1**			135		135/175/135
3	2020-2021		1**			90	25	115/159/135
4	2021-2022		1**			135	39	135/211,3/135

** Ghi chú: Theo Quy chế của trường Đại học xây dựng Hà Nội, số giờ chuẩn hướng dẫn luận án tiến sĩ là 200 giờ/01 luận án chia cho 4 năm, số giờ hướng dẫn luận án tiến sĩ năm cuối (năm thứ 4) được tính vào năm NCS bảo vệ luận án. 04 năm làm luận án của NCS là 2015-2016, 2016-2017, 2017-2018 và năm bảo vệ luận án là 2021-2022.

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn:

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH tại nước Nga từ năm 1977 đến năm 1983

- Bảo vệ ThS bằng tiếng Anh tại AIT-Thái Lan năm 1993

- Bảo vệ TS bằng tiếng Anh tại Nhật Bản năm 1996

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Khoa môi trường - trường Đại học Khoa học Tự nhiên-Đại học Quốc gia Hà Nội môn học: Introduction to groundwater hydrology.

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Thành Công	x		x		2000 - 2004	Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam	8-8-2004
2	Nguyễn Văn Lợi	x			x	2015 - 2019	Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam	15-6-2019
3	Hoàng Ngọc Hà	x			x	2015 - 2022	Trường Đại học Xây dựng Hà Nội	15-6-2022 (Ngày bảo vệ cấp trường)

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS						
II	Sau khi được công nhận PGS: 04 (1, 2, 3 và 4)						
1	Mô hình lan truyền chất ô nhiễm trong môi trường nước. Giấy ĐK XB 1278-2016/CXBIPH/05-10/KHTNVCN; QĐ XB số 21/QĐ-KHTNCN ngày 08/06/2016; 300 cuốn; nộp lưu chuyển quý III/2016; ISBN 9786049134531	GT	NXB Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, 2016.	01	Viết một mình		Trường Đại học Khoa học Tự nhiên-ĐHQGHN xác nhận ngày 07/12/2021
2	Tài nguyên nước dưới đất, mô hình chuyển động và lan truyền mặn NĐĐ khu vực tỉnh ven biển Cà Mau. Giấy ĐK XB 4621-2019/CXBIPH/01-68/KHTNVCN; QĐ XB số 110b/QĐ-KHTNCN ngày 23/11/2019; 850 cuốn; nộp lưu	CK	NXB Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, 2019.	02	Chủ biên	Tất cả các chương	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên-ĐHQGHN xác nhận ngày 07/12/2021

	chuyên quý IV/2019; ISBN 9786049139383					
3	Introduction to groundwater hydrology. Giấy ĐK XB 357-2020/CXBIPH/36-24/ĐHQGHN; QĐ XB số 08 KH-TN/QĐ-NXB ĐHQGHN ngày 19/05/2020; 200 cuốn; nộp lưu chuyên 2020; ISBN 9786046224693	GT	NXB Đại học Quốc gia, 2020.	01	Viết một mình	- Trường Đại học Khoa học Tự nhiên-ĐHQGHN xác nhận ngày 07/12/2021
4	Book chapter "Soil-skeleton and soil-water heavy metal contamination by finite element modelling with Freundlich isotherm adsorption parameters", the book title "Environmental Impact and Remediation of Heavy Metals", ISBN 978-1-80355-526-3.	CK	NXB InTech UK, 2022.	01	Chương sách do ứng viên viết một mình	

Trong đó: số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS: **02** (TT: **2** - sách chuyên khảo do NXB Khoa học Tự nhiên và Công nghệ và **3** - chương sách CK do NXB InTech xuất bản).

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS/TS				
II	Sau khi được công nhận PGS/TS				
1	ĐT độc lập cấp Nhà nước: Nghiên cứu xây dựng phần mềm mô hình phân tử hữu hạn mô phỏng chuyển động và lan truyền các chất ô nhiễm và nhiễm mặn trong môi trường nước dưới đất-ứng dụng cho khu	CN	ĐT.NCCB-ĐHƯĐ.2012-G/04 Cấp bộ	2013-2018	31/5/2018/Đạt

	vực ven biển miền Trung là Quảng Bình. Mã số				
2	ĐT độc lập cấp Nhà nước: Nghiên cứu đánh giá các tai biến địa chất và môi trường nghiêm trọng trong khai thác, chế biến một số khoáng sản chính ở Việt Nam; đề xuất các giải pháp giảm thiểu thiệt hại và phòng chống tai biến.	CN	Mã số KC.08.23/16-20 Cấp Nhà nước	2016-2021	02/7/2021/Đạt
3	ĐT độc lập cấp Viện HLKH&CN Việt Nam: Nghiên cứu, đánh giá tác động của biến đổi khí hậu tới tỉnh Thái Bình, đề xuất các giải pháp thích ứng, giảm thiểu thiệt hại	CN	Cấp Bộ	2010-2012	17/7/2012/Xuất sắc
4	ĐT độc lập cấp Viện HLKH&CN Việt Nam: Nghiên cứu các hiện tượng địa chất công trình động lực ảnh hưởng đến ổn định của đập ngăn mặn trên sông Hóa, sông Trà Lý tỉnh Thái Bình và hiện tượng xâm nhập mặn nhằm đề xuất chế độ hoạt động (đóng mở cống) phù hợp	CN	VAST.NĐP.1012-13 Cấp bộ	2012-2013	28/3/2014/Xuất sắc
5	ĐT độc lập cấp Viện HLKH&CN Việt Nam: Nghiên cứu xây dựng mô hình bổ sung nhân tạo làm nhạt hóa nước ngầm nhằm cung cấp nước cho một công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn tỉnh Thái Bình.	CN	VAST.NĐP.05/15-16 Cấp bộ	2015-2016	17/2/2017/Xuất sắc
6	ĐT cấp tỉnh (Thái Bình): Nghiên cứu tiềm năng nguồn nước (khoáng) nóng thiên nhiên khu vực Duyên Hải - Hưng Hà - tỉnh Thái Bình và đề xuất phương hướng khai thác và sử dụng hiệu quả	CN	TB-CT/CN02/19-20 Cấp bộ	2019-2020	05/12/2020/Đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
----	------------------------	------------	------------------	---	---	--	----------------	--------------------

I	Trước khi được công nhận PGS							
I.1	Bài báo trên các tạp chí QT uy tín trước khi được công nhận PGS							
I.2	Bài báo trên các tạp chí QT khác trước khi được công nhận PGS							
1	Parameter Identification of groundwater flow system in North-West area in Northern Kanto Basin.	2	X	<i>Journal of groundwater hydrology.</i> https://doi.org/10.5917/jagh1987.38.41			Vol. 38, 41-49	3/1996
I.3	Bài báo trong nước trước khi được công nhận PGS							
2	Tính toán lún mặt địa hình do khai thác nước ngầm khu vực đô thị Liên, Quảng Bá	3		<i>Địa chất tài nguyên. Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật</i>			312-317	1995
3	Giải bài toán ngược bằng phương pháp giả Niuton để xác định hệ số phân tán của thí nghiệm lan truyền vật chất trong môi trường nhiều lớp.	1	X	<i>Tạp chí Địa kỹ thuật.</i>			12-1998, 52-57 và 1-1999, 46-49	12/1998 và 3/1999
4	Các phương pháp tối ưu trong tính toán khai thác hợp lý tài nguyên nước dưới đất.	2	X	<i>Tạp chí Địa kỹ thuật.</i>			2/1999 , 26-35	1999
5	Tính toán khai thác tối ưu bãi giếng khai thác nước dưới đất nhà máy nước Pháp Vân-Hà Nội: Lập trình động liên kết với mô hình phần tử hữu hạn.	1	X	<i>Tạp chí Địa kỹ thuật.</i>			1/2000 , 14-22	2000
6	Lập trình động liên kết với mô hình phần tử hữu hạn trong tính toán khai thác tối ưu nước tầng chứa nước không áp.	2	X	Tạp chí Địa chất số 260/ 9-10/ 2000 kỷ niệm 55 năm ngành địa chất Việt Nam (1945-2000).			260/9-10/2000, 51-62	10/2000
7	Tổng quan nghiên cứu nhiễm mặn đất-nước ven biển và một kết quả nghiên cứu ban đầu về giải pháp bổ cập nhân tạo nước ngầm	2		<i>Tạp chí Địa chất</i>			265/7-8/ 2001, 28-42	8/2001

	và chống xâm nhập mặn bằng đê ngầm.							
8	Áp dụng phương pháp đánh giá-dự báo sạt lở-bồi lấp sông khi khảo sát sông Vu Gia và Thu Bồn (Quảng Nam).	3	X	<i>Tạp chí Các Khoa học về Trái đất</i>			23(4), 396-408	12/2001
9	Phương pháp luận xác định các thông số phân tán phục vụ đánh giá lan truyền mặn và ô nhiễm nước ngầm	3	X	<i>Tạp chí Thông tin Khoa học-Công nghệ Thủy lợi.</i>			2/2002 , 11-14, 18	2/2002
10	Lựa chọn kích thước lưới và bước thời gian trong mô hình phần tử hữu hạn lan truyền vật chất trong nước dưới đất.	2	X	<i>Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.</i>			5/2003 , 580-582	5/2003
11	Về thông số phân tán thủy động lực học thuộc cơ chế lan truyền mặn trong đất và nước dưới đất	3	X	<i>Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.</i>			6/2003 , 761-764	6/2003
12	Xây dựng mô hình cấu trúc các tầng chứa nước dưới đất khu vực Nam Định phục vụ cấp nước sinh hoạt nông thôn.	3	X	<i>Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.</i>			8/2003 , 1072-1075	8/2003
13	Hạn hán và biện pháp khai thác nước dưới đất phục vụ sinh hoạt nhằm hạn chế ảnh hưởng của hạn hán khu vực Bàu Tró-Quảng Bình.	2	X	<i>Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.</i>			8/2003 , 1068-1071	8/2003
14	Xói lở bờ ở một số sông lớn thuộc khu vực Nam Trung Bộ	3	X	<i>Tạp san Địa chất thủy văn-Địa chất công trình miền Trung Việt Nam.</i>			8-2003, 35-40	8/2003
15	Tính toán hệ thống lỗ khoan khai thác nước ngầm của bệnh viện 71-Môi-Thanh Hóa-Bộ Y tế.	2	X	<i>Tạp chí Khoa học kỹ thuật Thủy lợi và Môi trường- số 2/2003.</i>			2/2003 , 12-16	9/2003
16	Mô hình phần tử hữu hạn đánh giá xâm nhập mặn nước dưới đất khu vực ven biển Đồng Hới.	3		<i>Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.</i>			10/200 , 1299-1301	10/2003

17	Đánh giá xâm nhập mặn đối với công trình khai thác nước sinh hoạt khu vực đồng bằng ven biển Trung Bộ bằng phương pháp phân tử hữu hạn.	2	X	<i>Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.</i>			11/2003, 1474-1477	11/2003
18	Lập trình tuyến tính trong quy hoạch khai thác nước dưới đất.	2	X	<i>Tạp chí Khoa học kỹ thuật Thủy lợi và Môi trường.</i>			3, 11/2003, 25-29	11/2003
19	Chi tiêu dòng chảy sinh thái/tối thiểu trong khai thác sử dụng bền vững tài nguyên nước mặt	1	X	<i>Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.</i>			5-2004, 713-714, 716	5/2004
20	Đánh giá xâm nhập mặn khi khai thác nước dưới đất khu vực đồng bằng ven biển Trung Bộ đặc trưng bằng phương pháp phân tử hữu hạn.	2	X	<i>Tạp chí Khoa học kỹ thuật Thủy lợi và Môi trường.</i>			4-2004, 7-13	12/2004
21	Một phương pháp phân vùng tiềm năng xói lở bờ sông với minh họa cho sông Hồng	2	X	<i>Tạp chí Khoa học kỹ thuật Thủy lợi và Môi trường.</i>			5-2004, 69-74	5/2004
22	Giới thiệu và áp dụng minh họa phương pháp Einstein sửa đổi tính toán tiềm năng vận chuyển bùn cát đáy lòng dẫn	2	X	<i>Tạp chí Khoa học kỹ thuật Thủy lợi và Môi trường.</i>			7/11-2004, 214-224	11/2004
23	Cơ sở khoa học trong tăng cường nguồn nước dưới đất nhằm gia tăng khả năng khai thác	1	X	<i>Tạp chí các khoa học về Trái Đất</i>			4/2004 , 432-438	12/2004
24	Đánh giá khả năng sụt lún mặt đất do khai thác nước dưới đất từ các lỗ khoan giai đoạn 2 thuộc nhà máy nước Cáo Đình-Hà Nội	1	X	Đặc san Khoa học Công nghệ Thủy lợi. Viện Khoa học thủy lợi. Giấy phép xuất bản: 108/BC Bộ Văn Hoá Thông tin cấp ngày 4/2/2005.			4/1-2005, 24-29	2/2005

25	Kết quả tính toán dự báo tác động môi trường dự án khai thác nước dưới đất tại ba huyện Nghĩa Hành, Tư nghĩa và Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi	2	X	Đặc san Khoa học Công nghệ Thủy lợi. Viện Khoa học thủy lợi. Giấy phép xuất bản: 108/BC Bộ Văn Hoá Thông tin cấp ngày 4/2/2005.			4/1-2005, 77-83	2/2005
26	Đánh giá lan truyền mặn trong sông Cáp Đa dưới ảnh hưởng của hai đập Bình Dương và Bình Phước	2	X	Đặc san Khoa học Công nghệ Thủy lợi. Viện Khoa học thủy lợi. Giấy phép xuất bản: 108/BC Bộ Văn Hoá Thông tin cấp ngày 4/2/2005.			4/1-2005, 99-103	2/2005
27	Bàn về kinh tế của tường chắn ngầm ngăn xâm nhập mặn công trình khai thác nước ngầm phục vụ sinh hoạt vùng ven biển	1	X	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.			5-2005, 54-55	5/2005
I.3	Kỷ yếu hội nghị, hội thảo trước khi được công nhận PGS							
28	Groundwater exploitation for purposes of economy use of Hanoi city, Vietnam.	1	X	Proc. of the int'l conf. on integrated stormwater manag, 11th-13rd July, 1991, Singapore			13 trang	7/1991
29	Hydrodynamic processes tied with stability of the Red river dam, Hanoi, Vietnam.	1	X	Proc. of the int'l conf. on integrated stormwater manag, 11th-13rd July, 1991, Singapore			11 trang	7/1991
30	Aquifer parameter estimation and optimal allocation of pumping wells.	2	X	Proc. of the 49th annual conference of the Japan society of civil engineers, Sep. 1994.			4-5	9/1994

31	Recent countermeasures for land subsidence and groundwater resources in Japan.	2		<i>Proc. of the 5th int'l symposium on land subsidence, the Hague, October 1995. IAHS publication No. 234</i>			471-479	10/1995
32	Data analysis in experimental network design for groundwater basin: A case study.	3	X	<i>Proc. of the 50th annual conf. of the Japan society of civil engineers, Sep. 1995.</i>			162-163	9/1995
33	Optimal utilization plan of groundwater resources in Northern-West area of Northern Kanto Basin, Japan.	2	X	<i>Proc. of the 26th congress "Hydra 2000", London, 11th-15th Sep. 1995</i>			167-172	9/1995
34	A practical approach to manage groundwater in drought seasons	2	X	<i>Proc. of the 51st annual conference of the Japan society of civil engineers, Sep. 1995.</i>			310-311	9/1995
35	Recent advancement of numerical methods in geohydraulics.	4	X	<i>Annual report of Hydroscience and Geotechnology Laboratory, Faculty of Engineering, Saitama University, 1996.</i>			Vol. 21, 75-98	12/1996
36	Groundwater of Hanoi, Vietnam: Parameter identification by the Bayesian method.	3	X	<i>Proceedings of Theme C: Groundwater: An Endangered Resource, the 27th IAHR Congress California, USA,, 10th- 15th Aug. 1997.</i>			463-468	8/1997
37	Đánh giá địa chất công trình về nứt trượt đất năm	1	X	<i>Tuyển tập các báo cáo khoa học: Địa chất</i>			107-118	11/1997

	1992 tại bù Tung, Dak Rlập, Đắk Lắk.			<i>công trình với sự nghiệp công nghiệp hoá-hiện đại hoá đất nước. Hà Nội-tháng 11 năm 1997.</i>				
38	A Study for Groundwater Pollution Due to Waste Disposal in Hanoi, Vietnam.	3	X	<i>Proc. of the 4th Int'l Symposium on Env. Geotech. and Global Sustainable Dev. Boston, Massachusetts, USA, (9-13). Aug. 1998.</i>			1180-1189	8/1998
39	Sử dụng nước tuần hoàn và sử dụng lại nước thải nhằm tăng nguồn nước cung cấp và bảo vệ môi trường.	2	X	<i>Tuyển tập các báo cáo khoa học tại hội nghị môi trường toàn Quốc năm 1998 (tháng 11 năm 1998). Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật. Hà Nội-1999.</i>			613-625	11/1999
40	Phương pháp Kriging và ứng dụng nó để tính hệ số dẫn áp và nồng độ sắt trong nước dưới đất vùng Hà Nội.	1	X	<i>Tuyển tập các báo cáo khoa học: Hội nghị khoa học lần thứ 13-Trường Đại học Mỏ-Địa chất. Hà Nội-tháng 11 năm 1998.</i>			Quyển 3, 144-149	11/1998
41	Cơ sở thiết kế lớp sét lót đáy bãi chôn lấp chất thải vệ sinh.	3	X	<i>Tuyển tập các báo cáo khoa học: Hội nghị khoa học lần thứ 13-Trường Đại học Mỏ-Địa chất. Hà Nội-tháng 11 năm 1998.</i>			Quyển 3, 185-193	11/1998
42	Sơ bộ đánh giá khả năng cung cấp nước và vấn đề môi trường trong phát triển kinh tế xã hội vùng Tây	1	X	<i>Tuyển tập hội thảo trao đổi thông tin đa dạng sinh học vùng</i>			62-76	3/2000

	Nguyên thời kỳ 1996–2000.			Tây Nguyên. Ba Vi 29/2–1/3/2000.				
43	Soil and groundwater contamination by wastes.	1	X	<i>Proc. of Int'l workshop on env. protection, community health for sustainable dev. of craft- settlements in Nam Dinh. 26–27 October, 2000</i>			64–77	10/2000
44	Groundwater Artificial Recharge and Salinization Prevention as a Drought- Fighting Measure in Central Coastal Areas of Vietnam.	2	X	<i>Proc. of the Int'l Confe. of the Int'l Assoc. for Mathematical Feology. Cuncun-USA. Sep. 6-12/2001.</i>			10 trang (CD- ROM edition)	9/2001
45	Assessment of possible groundwater contamination due to Bac Ninh landfill	2	X	<i>Proc. of the Int'l conference: "Hanoi Geoengineering 3003 and 2004", 22 Dec. 2003 and 15 Oct. 2004- Hanoi-Vietnam</i>			10- 2004, 92-97	10/2004
46	Socio-economic factors determining effectiveness of groundwater artificial recharge	2	X	<i>Proc. of the Int'l workshop: "Augmenting Groundwater Resources by Artificial Recharge in South East Asia", 15-17 Dec. 2004- Ho Chi Minh city-Vietnam. Nhà xuất bản khoa học và kỹ thuật.</i>			261- 285	12/2004
II	Sau khi được công nhận PGS							
II.1	Bài báo trên các tạp chí QT uy tín sau khi được công nhận PGS							
47	The potential of desalination of brackish	5	X	Environment, Development	SCIE, IF:	2	20, 6,	8/2017 (online)

	groundwater aquifer thanks to salt-intrusion prevention river gates in the Red river delta, Vietnam			and Sustainability.	2.95, Q2		2747–2771	2018 (in quyển)
48	Characteristics of sediment heavy metal levels in lead-zinc ore Cho Don district area, Bac Kan province, Vietnam	4	X	Lithology and Mineral Resources	SCIE, IF: 0.77, Q3	1	56,3, 278-292	5/2021
49	Factors affecting instability of Nhan Co alumina red mud basin's slope and an economical, environmentally friendly stabilization material	5	X	Journal of Disaster Research	SCOPUS		16,4, 530-539	6/2021
50	Assessment of soil and groundwater heavy metal contamination by finite element modelling with Freundlich isotherm adsorption parameters in waste landfill Kieu Ky in Hanoi, Vietnam	6	X	Eurasian Soil Science	SCIE, IF: 1.5, Q2	1	54,12, 1876-1887	12/2021
51	Determination of groundwater solute transport parameters in finite element modelling using tracer injection and withdrawal test data.	1	X	Journal of Groundwater Science and Engineering	SCOPUS		9,4,29 2-303	12/2021
52	Estimation of groundwater recharge from rainfall for arid coastal plain of Ninh Thuan province, Vietnam	5	X	Russian Journal of Earth Sciences <i>doi: 10.2205/2022ES000775</i>	SCOPUS		22,1 (22, ES100 1),18 pages	3/2022
53	Geological affecting factors and mechanism of sinkhole development in Cho Don zinc-lead mining area, Bac Kan province, North of Vietnam	3	X	Russian Journal of Earth Sciences <i>doi:10.2205/2020ES000728</i>	SCOPUS		22,1, (22, ES100 3), 16 pages	3/2022
II.2	<i>Bài báo trên các tạp chí QT khác sau khi được công nhận PGS</i>							
II.3	<i>Bài báo trong nước sau khi được công nhận PGS</i>							
54	Giới thiệu địa chất thủy văn môi trường	2		<i>Tạp chí các khoa học về Trái Đất</i>			27,3, 268-273	9/2005

55	Đánh giá tiềm năng nước ngầm và khả năng nhiễm mặn trong quá trình khai thác trên đảo Vĩnh Thực - Quảng Ninh	2	X (Tác giả liên lạc)	<i>Tạp chí Địa Kỹ thuật</i>			1-2006, 21-26	3/2006
56	Một phương pháp quản lý lưu lượng khai thác nước ngầm trong mùa khô hạn qua sự khống chế mực nước	1	X	<i>Tạp chí Địa Kỹ thuật</i>			3-2006, 29-32	9/2006
57	Vấn đề rác thải, nước thải ra sông Hồng và khả năng ảnh hưởng đến nước dưới đất khu vực Hà Nội	2	X	<i>Tạp chí Khoa học-Đại học Quốc gia Hà Nội (VNU journal)</i>		1	23,2, 107-117	6/2007
58	Dự báo khai phá bờ hồ thủy điện Ialy bằng phương pháp Zolotarev	2	X	Tạp chí Các Khoa học về Trái đất; ISSN: 0866-7187			30,4, 452-459	12/2008
59	Áp dụng phần mềm thủy lực môi trường nước (EFDC) đánh giá ảnh hưởng của nước thải sinh hoạt đến chất lượng nước sông Hồng vào mùa khô khu vực Hà Nội	2	X	<i>Tạp chí Khoa học-Đại học Quốc gia Hà Nội (VNU journal)</i>		1	25,1, 19-29	3/2009
60	Phân tích trượt sườn dốc theo phương pháp mô hình vật lý có xét đến điều kiện tương thích của lực tương tác	4		Tạp chí Các Khoa học về Trái đất; ISSN: 0866-7187. . DOI: https://doi.org/10.15625/0866-7187/32/1/993 .			32,1, 18-25	3/2010
61	Mô hình thấm nước mưa phục vụ phân tích ổn định sườn dốc khu vực thị trấn Cốc Pài-huyện Xín Mần-tỉnh Hà Giang	2	X	Tạp chí Các Khoa học về Trái đất; ISSN: 0866-7187. . DOI: https://doi.org/10.15625/0866-7187/33/1/280 .		1	33,1, 78-84	3/2011
62	Finite element modeling for assessment of seawater intrusion into coastal groundwater abstractions due to seawater level rise in Thai Binh province	5	X	Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội (VNU journal): Các Khoa học Trái đất và Môi		1	27,3, 135-145	9/2011

				trường. ISSN: 0866-7187				
63	Một phương pháp định lượng phân cấp nguy cơ trượt đất áp dụng cho thị trấn Cốc Pài - huyện Xín Mần-tỉnh Hà Giang	3	X	Tạp chí Các Khoa học về Trái đất; ISSN: 0866-7187. . DOI: https://doi.org/10.15625/0866-7187/33/3/487 .			33,3, 501- 508	11/2011
64	Nghiên cứu ổn định mái dốc kênh Văn Phong - Bình Định trong điều kiện địa chất công trình phức tạp	3	X	Tạp chí Địa Kỹ thuật			2- 2012, 38-46	6/2012
65	Nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng của hồ Trị An đến động thái mực nước dưới đất khu vực hạ lưu	4	X	Tạp chí Các Khoa học về Trái đất			34,4, 465- 476	12/2012
66	Nghiên cứu xây dựng mô hình đánh giá dự báo xâm nhập mặn nước sông Trà Lý	4	X	Tạp chí Các Khoa học về Trái đất			36,1, 21-30	3/2014
67	Nghiên cứu đánh giá hạn khí tượng tỉnh Quảng Trị	3		Tạp chí Các Khoa học về Trái đất			36,2, 160- 168	6/2014
68	Study on the accuracy of the numerical modelling of the groundwater movement due to spatial and temporal discretization	3	X	Tạp chí Các Khoa học về Trái đất		4	36,4, 424- 431	12/2014
69	Kết quả bước đầu nghiên cứu phân bố mưa 24h max phục vụ công tác thiết kế công trình xả lũ hồ chứa khu vực trung du và đồng bằng tỉnh Nghệ An	3	X	Tạp chí: Khoa học và công nghệ Thủy lợi, ISSN: 1859-4255			20/201 4, 64-72	4/2014
70	Study on the hydraulic connectivity between Holocene and Pleistocene aquifers and the Red river in Hung Yen city area	2	X	Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội			31,2, 11-22	6/2015
71	Finite element method in estimation of lag time of rainfall recharge to Holocene groundwater	2	X	Tạp chí Các Khoa học về Trái đất		2	37,4, 355- 362	12/2015

	aquifer in Hung Yen province							
72	Kết quả nghiên cứu ban đầu ảnh hưởng của nước biển dâng do biến đổi khí hậu đến xâm nhập mặn sông Hóa - Thái Bình	3	X	Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội			31,4, 1-19	12/2015
73	Nghiên cứu đặc trưng quá trình lan truyền mặn nước dưới đất trong không gian 2 chiều theo mặt cắt	4	X	Tạp chí Các Khoa học về Trái đất		1	38,1, 66-78	3/2016
74	Methodology of determining effective porosity and longitudinal dispersivity of aquifer and the application to field tracer injection test in Southern Hanoi, Vietnam	6	X (Tác giả liên hệ)	Vietnam journal of earth sciences		2	39,1, 58-75	3/2017
75	Nghiên cứu xác định độ lỗ rỗng hữu hiệu và độ phân tán tầng chứa nước Pleistocen khu vực Mộ Lao, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội	4	X (Tác giả liên hệ)	Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội		1	33,1, 1-15	3/2017
76	Inverse analysis for transmissivity and the Red river bed's leakage factor for Pleistocene aquifer in Sen Chieu-Phuc Tho-Hanoi by group-well pumping test under the river water level fluctuation	4	X (tác giả liên lạc)	Vietnam journal of earth sciences		2	40,1, 26-38	3/2018
77	Nghiên cứu đánh giá nón xâm nhập mặn từ phía dưới lên công trình khai thác nước dưới đất	3	X	Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội			34,1, 91-103	3/2018
78	Study on groundwater abstraction by horizontal drains for minimization of saltwater upconing from below	4	X	Vietnam journal of earth sciences		2	40,4, 341-353	12/2018
79	Trữ lượng khai thác tiềm năng tầng chứa nước Pleistocen giữa - trên (qp2-3) tỉnh Cà Mau	3		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Biển			19,3B, 213-225	12/2019

80	Fundamentals of delineation of area of mineral and hot water potential in Duyen Hai area, Hung Ha district, Thai Binh province, Viet Nam for exploration purpose	5	X	Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội			36,2, 29-44	6/2020
81	Heavy metal contamination based on pollution, geoaccumulation indices and enrichment factor in Phan Me coal mine area, Thai Nguyen province, Vietnam	4	X	Vietnam journal of earth sciences		4	42,2, 105-117	6/2020
82	Moisture Transfer Finite Element Modeling with Soil-Water Characteristic Curve-Based Parameters and its Application to Nhan Co Red Mud Basin Slope	3	X	Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội			37,1, 103-115	3/2021
83	Nghiên cứu đánh giá đại lượng nước mưa thấm cung cấp cho nước dưới đất khu vực huyện ven biển Thái Thụy tỉnh Thái Bình	4	X	Tạp chí Khoa học Công nghệ Biển			21,2, 121-132	3/2021
II.4	Kỷ yếu hội nghị, hội thảo sau khi được công nhận PGS							
84	Preliminary evaluation of possible water supply and environmental issues in socio-economic development of Tay Nguyen highland up to 2010.	1	X	<i>Proceedings of the International Conference: "Hanoi Geoengineering 2005: Integrated Geoengineering for a Sustainable Infrastructure Development ", 25 November 2005-Hanoi-Vietnam</i>			187-192	11/2005
85	Ground water Abstraction Potential and Salt Water Intrusion Issue in Da Nang Coastal Area	2		<i>Proceedings of the International Conference on Geology, Geotechnology and Mineral Resources of</i>			101-106	11/2005

				<i>INDOCHINA. 28-30 November 2005 in Khon Kaen, Thailand. ISBN 9749813103, 9789749813102.</i>				
86	Hydrogeomechanical processes affecting the stability of Red river dike's foundation and in the Son Tay-Ha Noi area	2	X (tác giả liên lạc)	<i>Proceedings of the International Conference GeoEngineering 2007: New Challenges in Geosystem Engineering and Exploration</i>		1	120-123	11/2007
87	Ảnh hưởng của nước biển dâng đến xâm nhập mặn nước sông Hồng	4	X	<i>Tuyển tập báo cáo Hội nghị khoa học và công nghệ biển lần thứ V-20-22/10/2011. Quyển 5: Sinh thái, Môi trường và Quản lý biển. Nhà xuất bản Khoa học tự nhiên và công nghệ</i>			465-474	10/2011
88	Mô hình lan truyền xâm nhập mặn tầng chứa nước Pleistocen giữa - trên (qp2-3) tỉnh Cà Mau	3		<i>Tuyển tập báo cáo khoa học Hội nghị Khoa học Địa chất biển toàn quốc lần thứ 3 (22-23/10/2019). NXB KHTN & CN</i>		1	233-245	10/2019
89	Characteristics and affecting factors of sinkhole development in Cho Don area, Bac Kan province, Vietnam	3	X	<i>IOP Conference Series: Earth and Environmental Science (EES)</i>	SCOPUS		690,1, 012025 (16pp)	11/2020

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS: 07 (thứ tự bài báo từ 47 đến 53).

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Chương trình đào tạo tiên tiến ngành khoa học môi trường, năm 2015-2016: <i>Đảm nhận nhiệm vụ xây dựng nội dung chi tiết môn học bằng tiếng Anh Nhập môn thủy văn nước dưới đất, tiếng Anh là Introduction to groundwater hydrology, Mã môn học E411</i>	Tham gia		Đại học Khoa học Tự nhiên	Số 3346/ĐHKH TN ngày 25/10/2019	
2	Chương trình đào tạo chuẩn ngành khoa học môi trường năm 2016: <i>Đảm nhận nhiệm vụ xây dựng bổ sung nội dung chi tiết môn học Nhập môn toán ứng dụng trong môi trường, Mã môn học EVS3245.</i>	Tham gia		Đại học Khoa học Tự nhiên	Số 3346/ĐHKH TN ngày 25/10/2019	
3	Đề án: Đào tạo chất lượng cao trình độ đại học thu phí theo chi phí đào tạo và đảm bảo chất lượng đáp ứng Thông tư 23/3014/TT-BGDĐT của trường Đại học Khoa học Tự nhiên: <i>Đảm nhận nhiệm vụ xây dựng đề cương và nội dung môn học đại học và sau đại học chuyên ngành Công nghệ Môi trường của khoa: Thủy lực học và kỹ thuật tài nguyên nước, Mã môn học: EVS3162.</i>	Tham gia		Đại học Quốc gia Hà Nội	QĐ số 2095/QĐ-ĐHQGHN ngày 04/7/2019	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Giờ giảng dạy:

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn chính 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu bởi CTKH số 49, 52 và 53.

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:.....

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 06 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ và cấp Nhà nước (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

* Book chapter: "Soil-skeleton and soil-water heavy metal contamination by finite element modelling with Freundlich isotherm adsorption parameters", the book title "Environmental Impact and Remediation of Heavy Metals", ISBN 978-1-80355-526-3. NXB Intech, 2022.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2022

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)

PGS. TS. Nguyễn Văn Hoàng